TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2020
V/v: " Xin ly hôn và nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Thanh Long
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 338/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019, về việc ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1994 (Có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Nơi cư trú: Khu phố A, phường H, huyện B, tỉnh Bình Dương.
2. Bị đơn: Ông Phan Văn Q, sinh năm 1989 (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/ 10 /2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà với ông Phan Văn Q do quá trình tìm hiểu, được gia đình hai bên tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 09 năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú. Ngày cưới bên ông Q cho bà 01 (Một) đôi bông tai trọng lượng một chỉ vàng 24Kra, 01 (Một) sợi dây chuyền trọng lượng 2,5 chỉ (hai chỉ rưỡi) vàng 24Kra và 01 cặp nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 18 Kra. Số nữ trang này hiện nay không còn, do quá trình chung sống bà và ông Q thống nhất bán chi tiêu trong gia đình.

Sau khi kết hôn bà với ông Q chung sống lúc đầu rất hạnh phúc, sau thời gian sinh con thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân tính tình không hợp và bất đồng qua điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, tình cảm không vun đắp được và đi đến cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, bà xin được ly hôn với ông Phan Văn Q.

Về con chung có 01 người tên Phan Tú T, sinh ngày 27/12/2013, hiện nay đang sống chung với bà, bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà chưa đặt ra.

Tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị Ngọc H xác định không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án theo ông Phan Văn Q trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị Ngọc H, do tìm hiểu nhau trước và được gia đình hai bên cho tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Sau ngày cưới chung sống rất hạnh phúc, không có bất cứ mâu thuẫn gì. Đến tháng 6 năm 2019 thì bà Nguyễn Thị Ngọc H âm thầm bỏ đi không biết lý do gì, thời gian tìm kiếm không gặp và đi đến cắt đứt quan hệ vợ, chồng cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ, chồng không tin tưởng nên không có hạnh phúc, ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con chung có 01 người tên Phan Tú T, sinh ngày 27/12/2013, hiện nay đang sống chung với bà Ngọc H, ông xin được nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông chưa đặt ra.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Văn Q xác định không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh trình bày quan điểm: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng theo điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. **Về nội dung vụ kiện** vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19; 55; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân – gia đình. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H; Công nhận sự tự nguyện Thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Phan Văn Q. Về con chung có một người tên Phan Tú T, sinh ngày 27/12/2013 hiện đang sống chung với bà H, giao cho bà Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng nuôi con giữa bà Ngọc H và ông Q chưa đặt ra nên chưa xem xét. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tài sản chung và nợ chung: Bà Ngọc H và ông Q xác định không có nên không đặt ra. Bà Nguyễn Thị Ngọc H

phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự trong vụ án và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Phan Văn Q sau thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, tiến đến xác lập hôn nhân vào ngày 11 tháng 09 năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú. Ngày cưới bên ông Q cho bà Ngọc H 01 (Một) đôi bông tai nặng một chỉ vàng 24Kra, 01 (Một) sợi dây chuyền nặng 2,5 (Hai chỉ rưỡi) chỉ vàng 24Kra và 01 cặp nhẫn vàng 18 Kra. Số nữ trang ngày cưới hiện nay không còn, do quá trình chung sống bà Ngọc H và ông Q thống nhất bán chi tiêu trong gia đình.

[2] Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Phan Văn Q chung sống rất hạnh phúc. Sau thời gian sinh con thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, tình cảm không vun đắp được và đi đến cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, nên bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Phan Văn Q tự nguyện thuận tình ly hôn.

[3]. Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững" nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Phan Văn Q đã không thực hiện các nghĩa vụ này với nhau. Hiện nay bà Ngọc H với ông Q mỗi người sống ở hai nơi khác nhau, không liên hệ với nhau từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Do đó hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Phan Văn Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân- gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về con chung hiện có một người tên Phan Tú T, sinh ngày 27/12/2013 hiện do bà Nguyễn Thị Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay bà Ngọc H và ông Q xin được nuôi; cả hai là bà H và ông Q chứng minh đủ điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc, xin được nuôi cháu Tài. Xét thấy ông Q và bà Ngọc H điều có đủ điều kiện để được nuôi con. Tuy nhiên trong thời gian qua cháu T đang được bà Ngọc H chăm sóc và nuôi dưỡng, hiện nay cháu đã ổn định cuộc sống và vào học lớp 1 tại trường tiểu học H, thuộc xã H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, đồng thời nguyện vọng của cháu Tài trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa xin tiếp tục được bà Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó yêu cầu xin tiếp tục nuôi con của bà Ngọc H là phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân-gia đình năm 2014.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phan Văn Q chưa đặt ra, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phan Văn Q xác định không có, không đặt ra, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 8; 9; 19; 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Phan Văn Q.

2/ Về con chung: Cháu Phan Tú T, sinh ngày 27/12/2013, bà Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phan Văn Q chưa đặt ra, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phan Văn Q xác định không có, không đặt ra Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005336, ngày 23 tháng 10 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Án xét xử công khai sơ thẩm báo cho hai bên đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến